

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Alpha SP 100

## I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

**Tên sản phẩm** Alpha SP 100  
**SDS #** 456553  
**Mã số** 456553-VN02

**Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh**

**Ứng dụng sản phẩm** Các Loại Dầu Bánh Răng.  
Với những chỉ dẫn ứng dụng cụ thể, xem Tài liệu Kỹ thuật hoặc tham vấn đại diện công ty chúng tôi.

**Nhà cung cấp** Castrol BP Petco  
9th Floor – Times Square building  
57-69F Dong Khoi Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
Vietnam  
Tel: 84-8-38219596 / 38219153  
Fax: 84-8-38219603 / 38219152  
**THÔNG TIN CẤP CỨU ĐỒ TRÀN:** Carechem: +65 3158 1074 (24/7)

## II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

**Chất/hỗn hợp** Hỗn hợp  
Dầu gốc tinh luyện ( IP 346 ly trích DMSO < 3%). Các phụ gia tính năng đặc biệt.

| Tên thành phần nguy hiểm       | Số CAS                          | %      |
|--------------------------------|---------------------------------|--------|
| Dầu gốc - không phân biệt loại | Biến thể - Xem Bảng từ viết tắt | ≥90    |
| (Z)-octadec-9-enylamine        | 112-90-3                        | <0.025 |

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

## III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

**Mức xếp loại nguy hiểm** Không phân loại.

**Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)**  
**Từ cảnh báo** Không có từ cảnh báo.

|                                   |                                |                            |
|-----------------------------------|--------------------------------|----------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b> Alpha SP 100  | <b>Mã sản phẩm</b> 456553-VN02 | <b>Trang:</b> 1/10         |
| <b>Ngày phát hành</b> 06/02/2017. | <b>Format</b> Việt nam         | <b>Ngôn ngữ</b> TIẾNG VIỆT |
| <b>Phiên bản</b> 1.02             | <b>(Việt nam)</b>              | <b>(VIETNAMESE)</b>        |

### III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

**Cảnh báo nguy cơ** Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

#### Các công bố về phòng ngừa

|                  |                |
|------------------|----------------|
| <b>Ngăn chặn</b> | Không áp dụng. |
| <b>Phản ứng</b>  | Không áp dụng. |
| <b>Lưu trữ</b>   | Không áp dụng. |
| <b>Xử lý</b>     | Không áp dụng. |

**Lộ trình vào** Tiếp xúc với da. Tiếp xúc với mắt. Hít phải.

**Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại** Khử mỡ dưới da.

### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

|                          |   |
|--------------------------|---|
| <b>Tiếp xúc mắt</b>      | Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa mắt ngay ít nhất trong 15 phút. Các mí mắt phải được tách khỏi nhãn cầu để bảo đảm cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.   |
| <b>Hít phải</b>          | Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.   |
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất làm sạch da đã được công nhận. Cởi quần áo và giày dép bị nhiễm. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. |
| <b>Nuốt phải</b>         | Không được gây ói trừ khi nhân viên y tế đã cho chỉ thị. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.   |

#### Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

#### Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| <b>Lưu ý đối với bác sĩ điều trị</b> | Nói chung điều trị cần hướng vào triệu chứng và nhằm vào việc giảm nhẹ mọi tác động.                         |
| <b>Điều trị cụ thể</b>               | Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.   |
| <b>Bảo vệ nhân viên sơ cứu</b>       | Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. |

### V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

#### Phương tiện dập tắt

|   |  |
|---|--|
| <b>Các chất chữa cháy phù hợp</b>       | Trong trường hợp xảy ra cháy, sử dụng vòi nước phun sương, bình chữa cháy dạng bột, hóa chất khô hoặc cacbon đioxit. |
| <b>Các chất chữa cháy không phù hợp</b> | Đừng dùng tia nước.  |

#### Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

Cháy vỏ bào - dầu dùng cho kim loại nguyên chất có thể bốc hơi, phân huỷ tỏa nhiệt hoặc cháy nếu tiếp xúc với vỏ bào nóng đỏ. Để giảm thiểu sự tạo ra vỏ bào nóng đỏ hãy đảm bảo dòng chảy hiệu quả của dầu hướng tới chính xác mặt cắt của dụng cụ để tuôn nó ra trong suốt quá trình cắt. Một phòng ngừa bổ sung nữa là cần thường xuyên làm sạch vùng lân cận để tránh nguy cơ hỏa hoạn. Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.

**Tên sản phẩm** Alpha SP 100

**Mã sản phẩm**

456553-VN02

**Trang:** 2/10

**Ngày phát hành** 06/02/2017.

**Format** Việt nam

**Ngôn ngữ** TIẾNG VIỆT

**Phiên bản** 1.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

## V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

### Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm

Các sản phẩm đốt cháy có thể bao gồm những chất sau:  
carbon dioxit  
carbon monoxit

### Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy

Nếu thấy có cháy, nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đưa tất cả mọi người ra khỏi khu vực đang xảy ra sự cố. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

### Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Lính cứu hỏa phải mang thiết bị thở tự hành áp suất dương (SCBA) và đồ nghề đầy đủ.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

#### Cho người không phải nhân viên cấp cứu

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Sàn nhà có thể trơn, hãy cẩn thận để tránh bị ngã.

#### Cho các nhân viên cấp cứu

Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

#### Đề phòng cho môi trường

Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

### Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

#### Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Hút bằng chất trợ rồi cho vào bình chứa chất thải thích hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

#### Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

#### Biện pháp bảo vệ

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Nồng độ sương, khói và hơi trong không gian kín có thể dẫn đến sự hình thành không khí gây nổ. Cần tránh làm bắn, khuấy trộn hoặc đun nóng quá mức. Trong lúc hoạt động với kim loại, các phần tử rắn từ các vật chưa thành phẩm hoặc dụng cụ sẽ làm nhiễm bẩn chất lỏng và có thể gây trầy da. Ở chỗ trầy da đó sẽ dẫn đến sự thấm thấu vào da, cần phải điều trị sơ cứu càng sớm càng tốt. Sự có mặt của một số kim loại trong các vật chưa thành phẩm hoặc dụng cụ, ví dụ như crom, coban và niken, có thể làm nhiễm bẩn chất lỏng hoạt động với kim loại, cũng như vi khuẩn, và kết quả có thể gây dị ứng và các phản ứng khác về da, đặc biệt nếu vệ sinh cá nhân không đảm bảo.

#### Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát

Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Rửa thật kỹ sau khi xử lý. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Tên sản phẩm Alpha SP 100

Mã sản phẩm

456553-VN02

Trang: 3/10

Ngày phát hành 06/02/2017.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 1.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Chỉ cất giữ và sử dụng trong thiết bị/thùng chứa được thiết kế riêng cho sản phẩm này. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khô rõ rĩ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các thông số kiểm soát

#### Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

| Tên thành phần nguy hiểm       | Giới hạn phơi nhiễm  |
|--------------------------------|--|
| Đầu gốc - không phân biệt loại | <b>Bộ Y tế (Việt Nam).</b><br>TWA: 5 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương<br>STEL: 10 mg/m <sup>3</sup> 15 phút. Ban hành/Sửa Đổi: 10/2002 Dạng: Hơi sương |

### Quy trình theo dõi đề nghị

Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp. Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

### Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Tất cả các hoạt động liên quan đến hoá chất phải được đánh giá về mức độ rủi ro đối với sức khỏe, để đảm bảo rằng việc phơi nhiễm được kiểm soát đúng mức. Thiết bị bảo hộ cá nhân chỉ được xem xét sau khi các biện pháp kiểm soát khác (nghĩa là kiểm soát về kỹ thuật) đã được đánh giá thích hợp. Thiết bị bảo hộ cá nhân cần phải theo tiêu chuẩn phù hợp, phù hợp cho việc sử dụng, giữ gìn và bảo quản tốt. Nhà cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân cần tư vấn để có lời khuyên về việc chọn lựa và tiêu chuẩn phù hợp. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với tổ chức tiêu chuẩn tại quốc gia bạn.

Cung cấp hệ thống thông gió hay thiết bị kiểm soát khác để giữ nồng độ không khí liên quan ở dưới giới hạn độc hại nghề nghiệp tương ứng.

Lựa chọn cuối cùng về thiết bị bảo hộ sẽ phụ thuộc vào mức độ đánh giá rủi ro. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng tất cả các hạng mục thiết bị bảo hộ cá nhân đều phải phù hợp.

### Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

### Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

#### Biện pháp vệ sinh

Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

#### Bảo vệ mắt

Kính bảo hộ có miếng che hai bên.

#### Bảo vệ da

Tên sản phẩm Alpha SP 100

Mã sản phẩm

456553-VN02

Trang: 4/10

Ngày phát hành 06/02/2017.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 1.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Bảo vệ tay

Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu có khả năng tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hãy đeo găng tay bảo hộ chống hoá chất. Khuyến nghị: Găng tay nitril. Sự lựa chọn đúng găng tay bảo hộ phụ thuộc vào các chất hóa học được xử lý, điều kiện làm việc và sử dụng, và tình trạng của găng tay (thậm chí găng tay chống chất hóa học tốt nhất sẽ bị rách sau sự phơi nhiễm hóa học liên tục). Hầu hết các găng tay chỉ có tác dụng bảo vệ trong một thời gian ngắn và phải được hủy bỏ và thay thế kịp thời. Do các môi trường làm việc cụ thể và thực tế thao tác với vật liệu thay đổi, các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Vì thế, găng tay cần được chọn với sự tư vấn của nhà cung cấp/nhà sản xuất và với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.

### Bảo vệ da

Sử dụng quần áo bảo hộ là thực hành công nghiệp tốt. Quần áo bảo hộ lao động làm bằng bông hoặc polyeste/bông sẽ chỉ cung cấp bảo vệ chống lại sự nhiễm bẩn nhẹ trên bề mặt và không thấm xuyên qua da. Cần thường xuyên giặt quần áo bảo hộ lao động. Khi có rủi ro phơi nhiễm da cao (ví dụ khi dọn sạch sản phẩm bị tràn đổ hoặc khi có rủi ro bị văng vào), cần mang tạp dề hoặc quần áo chống hoá chất và mang giày ủng. Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.

### Biện pháp bảo vệ da khác

Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

### Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thiếu thông gió, mang thiết bị thở thích hợp. Để tránh các chất lỏng trong quá trình gia công kim loại, cần sử dụng biện pháp bảo vệ hô hấp phù hợp được phân loại là "kháng được chất dầu" (nhóm R) hoặc chống dầu (nhóm P). Tùy theo mức độ của các chất ô nhiễm trong không khí, cần phải sử dụng mặt nạ nửa mặt có tính năng lọc không khí (với phin lọc HEPA), kể cả mặt nạ dùng một lần (loại P hoặc R) (trong trường hợp mức sương dầu thấp hơn 50 mg/m<sup>3</sup>), hoặc các loại mặt nạ chạy bằng pin, có tính năng lọc không khí được trang bị mũ trùm đầu hoặc mũ bảo hiểm và phin lọc HEPA (trong trường hợp mức sương dầu thấp hơn 125 mg/m<sup>3</sup>).

Trong các hoạt động gia công kim loại có tiềm ẩn mối nguy hại là hơi hữu cơ thì có thể cần dùng một phin lọc kết hợp lọc hạt và lọc hơi hữu cơ.

Sự lựa chọn đúng đắn việc bảo vệ đường hô hấp tùy thuộc vào loại hoá chất được sử dụng, điều kiện làm việc và sử dụng, và điều kiện của thiết bị hô hấp. Các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Do vậy, thiết bị bảo vệ hô hấp nên được chọn lựa với sự tư vấn của nhà cung cấp/ nhà sản xuất cùng với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

### Bề ngoài

|                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| Trạng thái vật lý                   | Chất lỏng.                                 |
| Màu sắc                             | Hỗ phách. [Sáng]                           |
| Mùi                                 | Mạnh.                                      |
| Ngưỡng về mùi                       | Không có sẵn.                              |
| pH                                  | Không có sẵn.                              |
| Điểm nóng chảy                      | Không có sẵn.                              |
| Điểm sôi                            | Không có sẵn.                              |
| Điểm chớp cháy                      | Cốc kín: 196°C (384.8°F) [Pensky-Martens.] |
| Tỷ lệ hóa hơi                       | Không có sẵn.                              |
| Khả năng cháy (chất rắn, khí)       | Không có sẵn.                              |
| Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên | Không có sẵn.                              |

|                |              |             |             |              |            |
|----------------|--------------|-------------|-------------|--------------|------------|
| Tên sản phẩm   | Alpha SP 100 | Mã sản phẩm | 456553-VN02 | Trang:       | 5/10       |
| Ngày phát hành | 06/02/2017.  | Format      | Việt nam    | Ngôn ngữ     | TIẾNG VIỆT |
| Phiên bản      | 1.02         | (Việt nam)  |             | (VIETNAMESE) |            |

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
| Áp suất hóa hơi                  | Không có sẵn.   |
| Tỷ trọng hơi                     | Không có sẵn.   |
| Tỷ trọng                         | <1000 kg/m <sup>3</sup> (<1 g/cm <sup>3</sup> ) ở 15°C  |
| Tỷ trọng                         | Không có sẵn.   |
| Tính hòa tan                     | không tan trong nước.   |
| Hệ số phân chia nước/<br>Octanol | Không có sẵn.   |
| Nhiệt độ tự cháy                 | Không có sẵn.   |
| Nhiệt độ phân hủy                | Không có sẵn.   |
| Độ nhớt                          | Động học: 100 mm <sup>2</sup> /s (100 đơn vị cSt) ở 40°C<br>Động học: 11.1 mm <sup>2</sup> /s (11.1 đơn vị cSt) ở 100°C |

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| Khả năng phản ứng                  | Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể nào cho sản phẩm này. Tham khảo Điều kiện để phòng tránh và Vật liệu không thích hợp để biết thêm thông tin.                                       |
| Tính ổn định                       | Sản phẩm ổn định.   |
| Khả năng gây các phản ứng nguy hại | Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.<br>Dưới tình trạng lưu trữ và sử dụng bình thường, polyme hóa nguy hại sẽ không xảy ra. |
| Tình trạng cần tránh               | Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa).   |
| Các vật liệu không tương thích     | Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: các chất oxy hoá.  |
| Những sản phẩm phân hủy nguy hại   | Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, các sản phẩm phân hủy nguy hại sẽ không phát sinh.   |

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Thông tin về các tác dụng độc

#### Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

| Tên                     | Loại   | Cách phơi nhiễm | Cơ quan có nhắm tới   |
|-------------------------|--------|-----------------|-----------------------|
| (Z)-octadec-9-enylamine | Loại 3 | Không áp dụng.  | Kích ứng đường hô hấp |

#### Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

| Tên                     | Loại   | Cách phơi nhiễm | Cơ quan có nhắm tới |
|-------------------------|--------|-----------------|---------------------|
| (Z)-octadec-9-enylamine | Loại 2 | Không xác định  | Không xác định      |

#### Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

| Tên                     | Kết quả                    |
|-------------------------|----------------------------|
| (Z)-octadec-9-enylamine | HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1 |

Tên sản phẩm Alpha SP 100

Mã sản phẩm

456553-VN02

Trang: 6/10

Ngày phát hành 06/02/2017.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 1.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)

# XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

**Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra** Đường xâm nhập lượng trước được: Ngoài da, Hít phải.

## Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

|                          |   |
|--------------------------|---|
| <b>Tiếp xúc mắt</b>      | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào   |
| <b>Hít phải</b>          | Việc hít phải hơi nước trong môi trường xung quanh thường không phải là vấn đề do áp suất hơi nước thấp |
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | Khử mỡ dưới da. Có thể gây khô da và kích ứng.  |
| <b>Nuốt phải</b>         | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào   |

## Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

|                          |   |
|--------------------------|---|
| <b>Tiếp xúc mắt</b>      | Không có thông tin cụ thể.  |
| <b>Hít phải</b>          | Không có thông tin cụ thể.  |
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>kích ứng khó chịu<br>khô da<br>nứt da |
| <b>Nuốt phải</b>         | Không có thông tin cụ thể.  |

## Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

### Phơi nhiễm ngắn hạn

|   |               |
|---|---------------|
| <b>Các tác dụng tức thời có thể gặp</b> | Không có sẵn. |
| <b>Các tác dụng chậm có thể gặp</b>     | Không có sẵn. |

### Phơi nhiễm lâu dài

|   |               |
|---|---------------|
| <b>Các tác dụng tức thời có thể gặp</b> | Không có sẵn. |
| <b>Các tác dụng chậm có thể gặp</b>     | Không có sẵn. |

## Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

|   |   |
|---|---|
| <b>Tổng quát</b>                          | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào |
| <b>Tính gây ung thư</b>                   | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào |
| <b>Tính đột biến</b>                      | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào |
| <b>Độc tính gây quái thai</b>             | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào |
| <b>Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể</b> | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào |
| <b>Ảnh hưởng khả năng sinh sản</b>        | Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào |

## Các số liệu đo lường độ độc

### Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Không có sẵn.

|                                   |                                |                            |
|-----------------------------------|--------------------------------|----------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b> Alpha SP 100  | <b>Mã sản phẩm</b> 456553-VN02 | <b>Trang:</b> 7/10         |
| <b>Ngày phát hành</b> 06/02/2017. | <b>Format</b> Việt nam         | <b>Ngôn ngữ</b> TIẾNG VIỆT |
| <b>Phiên bản</b> 1.02             | <b>(Việt nam)</b>              | <b>(VIETNAMESE)</b>        |

## XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### Độc Tính

#### Hậu quả môi trường

Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

### Độ bền và khả năng phân hủy

Được cho là có thể phân hủy bằng vi khuẩn.

### Khả năng tồn lưu

Sản phẩm này không được cho là tích lũy sinh học qua chuỗi thức ăn trong môi trường.

### Khả năng phân tán qua đất

#### Hệ số phân cách đất/nước (K<sub>oc</sub>)

Không có sẵn.

#### Tính cơ động

Lượng bị đổ ra có khả năng thấm vào đất gây ô nhiễm nước ngầm.

### Hậu quả xấu khác

Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy tai hại nào

### Thông tin sinh thái khác

Lượng bị đổ ra có thể hình thành màng trên các bề mặt nước gây tổn hại về mặt vật lý đối với sinh vật. Việc truyền oxy cũng có thể bị suy yếu.

## XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

### Các phương pháp thải bỏ

Cần tránh hoặc nếu có thể giảm thiểu việc tạo ra chất thải

Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Chỉ do các nhà thầu có được phép xử lý các sản phẩm thừa hay các sản phẩm không tái chế được xử lý chất thải. Bất cứ lúc nào, việc thải bỏ sản phẩm, dung dịch hoặc sản phẩm phụ phải phù hợp với các yêu cầu của cơ quan bảo vệ môi trường, luật lệ xử lý chất thải, và quy định của chính quyền địa phương hay khu vực.

Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Bình rỗng hay các lớp lót có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh

## XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

|   | IMDG           | IATA           |
|---|----------------|----------------|
| <b>Số UN</b>  | Không quản lý. | Không quản lý. |
| <b>Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển</b> | -              | -              |
| <b>(các) nhóm nguy hại vận chuyển</b>                             | -              | -              |
| <b>Quy cách đóng gói</b>  | -              | -              |
|   |                |                |

Tên sản phẩm Alpha SP 100

Mã sản phẩm

456553-VN02

Trang: 8/10

Ngày phát hành 06/02/2017.

Format Việt nam

Ngôn ngữ TIẾNG VIỆT

Phiên bản 1.02

(Việt nam)

(VIETNAMESE)



## XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

|                         |        |        |
|-------------------------|--------|--------|
| Mối nguy cho môi trường | Không. | Không. |
| Thông tin bổ sung       | -      | -      |

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC) Không có sẵn.

## XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm Chưa rõ có quy định quốc gia và/hoặc khu vực nào được áp dụng đối với sản phẩm này (bao gồm cả các thành phần của nó).

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) Không được xếp vào loại nguy hiểm.

### Danh sách quốc tế

Tình trạng Danh mục của Úc (AICS) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Canada Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Trung Quốc (IECSC) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Tình Trạng REACH (Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế các Hóa Chất) Để biết trạng thái REACH của sản phẩm này, vui lòng hỏi ý kiến người liên hệ hỗ trợ công ty của bạn, như được xác định trong Mục 1.

Danh mục của Nhật (ENCS) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Hàn Quốc (KECI) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Phi-lip-pin (PICCS) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Taiwan Chemical Substances Inventory (TCSI) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc) Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### Lịch sử

Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh 2017 Tháng Sáu 02  
Ngày phát hành lần trước 24 Tháng Tư 2017  
Chuẩn bị bởi Product Stewardship

|                |              |             |             |          |              |
|----------------|--------------|-------------|-------------|----------|--------------|
| Tên sản phẩm   | Alpha SP 100 | Mã sản phẩm | 456553-VN02 | Trang:   | 9/10         |
| Ngày phát hành | 06/02/2017.  | Format      | Việt nam    | Ngôn ngữ | TIẾNG VIỆT   |
| Phiên bản      | 1.02         |             | (Việt nam)  |          | (VIETNAMESE) |

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### Bảng từ viết tắt

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính  
BCF = Hệ số nồng độ sinh học  
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu  
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế  
IBC = Côngtenơ khổ trung  
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế  
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước  
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))  
UN = Liên hợp quốc  
Đa tạp = có thể chứa một hay nhiều thành phần sau 101316-69-2, 101316-70-5, 101316-71-6, 101316-72-7, 64741-88-4, 64741-89-5, 64741-95-3, 64741-96-4, 64741-97-5, 64742-01-4, 64742-44-5, 64742-45-6, 64742-52-5, 64742-53-6, 64742-54-7, 64742-55-8, 64742-56-9, 64742-57-0, 64742-58-1, 64742-62-7, 64742-63-8, 64742-64-9, 64742-65-0, 64742-70-7, 72623-85-9, 72623-86-0, 72623-87-1, 74869-22-0, 90669-74-2

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

### Người đọc lưu ý

Tất cả các bước khả thi hợp lý đã được thực hiện để đảm bảo thông tin về sức khỏe, an toàn và môi trường trong bảng dữ liệu là chính xác tính đến ngày được nêu dưới đây. Không có sự bảo đảm hoặc diễn đạt nào thể hiện hoặc ngụ ý về sự chính xác hoặc đầy đủ của số liệu và thông tin có trong bảng dữ liệu này.

Dữ liệu và lời khuyên đã cho áp dụng khi sản phẩm bán ra để sử dụng cho một hoặc nhiều ứng dụng đã nêu rõ. Bạn không được sử dụng sản phẩm theo cách khác với (những) cách đã nêu mà không hỏi ý kiến của Tập đoàn BP.

Nghĩa vụ của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn và tuân thủ các luật pháp và quy định được áp dụng. Tập đoàn BP sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ mọi thiệt hại hoặc tổn thương do sử dụng khác với công dụng của sản phẩm đã nêu rõ đối với chất này, do không tuân thủ các khuyến nghị, hoặc do bất kỳ sự nguy hiểm nào vốn có trong bản chất của sản phẩm. Những người mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba sử dụng tại nơi làm việc có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất kỳ người nào xử lý hoặc sử dụng sản phẩm đều được cung cấp thông tin trong tờ này. Các nhà sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro được mô tả trong tờ này và cần thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa. Bạn có thể liên hệ với Tập đoàn BP để đảm bảo tài liệu này là tài liệu mới nhất hiện có. Nghiêm cấm thay đổi đối với tài liệu này.

|                                   |                                |                            |
|-----------------------------------|--------------------------------|----------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b> Alpha SP 100  | <b>Mã sản phẩm</b> 456553-VN02 | <b>Trang:</b> 10/10        |
| <b>Ngày phát hành</b> 06/02/2017. | <b>Format</b> Việt nam         | <b>Ngôn ngữ</b> TIẾNG VIỆT |
| <b>Phiên bản</b> 1.02             | <b>(Việt nam)</b>              | <b>(VIETNAMESE)</b>        |